

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG SU PHÌ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HSST
Ngày 13 - 8 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH H**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Văn Kim Đường.
2. Ông: Triệu Tiến Quang.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh H.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh H tham gia phiên tòa:***
Bà Nguyễn Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh H mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2021/TLST- HS ngày 09 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST- HS ngày 02 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

* **TRẦN VĂN T** (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày 30 tháng 7 năm 1990 tại huyện H, tỉnh T; đăng ký HKTT: Thôn A, xã T, huyện H, tỉnh T; nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện H, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn T và bà Đàm Thị X; có vợ: Bùi Thị Huyền T, sinh năm 1991; con: Bị cáo có 02 con; con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án: có 01 tiền án tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2021/HSST, ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện H đã xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền sự: Không; nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/5/2021. Hiện nay đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh H. Có mặt.

* ***Bị hại:*** anh Phạm Văn H, sinh năm 1983, trú tại thôn Quang Tiến, thị trấn V, huyện H, tỉnh H. Có đơn xin vắng mặt.

* ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- Ông Mai Văn T, sinh năm 1985, trú tại tổ 6, thị trấn V, huyện H, tỉnh H. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1964, trú tại tổ 5, thị trấn V, huyện H, tỉnh H. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Minh M, sinh năm 1978, trú tại Tổ 5, thị trấn V, huyện H, tỉnh H. Có mặt.

- Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1981, trú tại tổ 5, thị trấn V, huyện H, tỉnh H. Có mặt.

- Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1984, tại tổ 5, thị trấn V, huyện H, tỉnh H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/5/2021, bị cáo Trần Văn T đi xe khách từ xã T, huyện H, tỉnh T lên thị trấn V, huyện H. Khi đến nơi, T thuê phòng trọ của nhà bà Nguyễn Thị L tại tổ 5, thị trấn V, huyện H để ở đến ngày 19/5/2021, bị cáo T nhận tài sản là chiếc xe máy ở Chi cục thi hành án dân sự huyện H. Sau đó, bị cáo T vẫn ở lại phòng trọ đến ngày 21/5/2021 thì bị cáo T điều khiển xe máy biển kiểm soát 19T6 - 1870 đi từ huyện H sang huyện Xín Mần tìm việc để làm thuê nhưng không có việc nên quay về huyện H. Khi đi về đến đoạn đường cách thị trấn V, huyện H khoảng 02km thì quan sát thấy nhà anh Phạm Văn H, sinh năm 1983, trú tại thôn Quang Tiến, thị trấn V, huyện H không có ai ở nhà, cổng chính đã khóa bên ngoài, bị cáo điều khiển xe đi qua căn nhà 100m để quan sát rồi mới quay đầu xe lại đến ngôi nhà thì thấy cổng nhà khóa bên ngoài nên bị cáo đi vượt qua ngôi nhà khoảng 10 mét rồi quay đầu xe lại và dựng xe ở lề đường bên phải cách cổng khoảng 05 mét. Bị cáo T quan sát xung quanh không có ai nên nảy sinh ý định đột nhập vào nhà anh H trộm cắp tài sản, bị cáo T lấy tua vít cho vào túi quần rồi trèo qua cổng vào sân. T lấy tua vít trong túi quần ra tháo khóa cửa nhà xưởng bung ra rồi mở cửa nhà xưởng rồi trộm lấy tài sản của anh H để trong kho gồm 01 máy cưa xăng, 01 bình ắc quy, 01 mô tơ, 04 máy cắt cầm tay, 02 máy dùi gỗ, 01 máy mài lưỡi cưa, 01 máy cưa điện, 01 máy bơm, 01 ba lăng xích nhỏ, 01 ba lăng xích to ra để ở phía trong sân sát cửa cổng chính và lấy 01 bao tải dứa màu cam ở sân rồi ném qua cổng chính ra ngoài với mục đích để đựng 02 ba lăng xích. Tiếp đó, T buộc phần dây điện của một chiếc máy cắt vào phần tay cầm của máy cưa xăng, chân trái dẫm lên ắc quy sau đó dùng hai tay nhấc chiếc máy cưa xăng đặt lên trên thành cổng, tay phải cầm vào tay nắm máy cưa, tay trái nắm vào thành phía trên cổng rồi đu người lên trên cổng sát từ từ thả chiếc máy cưa xăng xuống đất, rồi thả chiếc máy cắt đã buộc một đầu dây điện với chiếc cưa xăng ra ngoài cổng sắt. Sau đó T dùng tay phải cầm 01 máy cắt dưới người đưa máy cắt lên trên thành cổng, rồi dùng hai tay cầm vào phần dây điện của máy cắt thả từ từ ra ngoài. T lặp lại động tác tương tự đối với máy cắt đưa lần lượt những tài sản sau ra ngoài cổng: 02 máy cắt, 01 máy mài lưỡi cưa, 02 máy dùi gỗ, 01 máy cưa điện, 01 máy bơm quạt gỗ. T nhìn thấy trong sân có 01 khúc gỗ, T bê khúc gỗ về đặt ở dưới cột trụ trái của cổng, sau đó hai chân dẫm lên khúc gỗ, hai tay nhấc và dưới người đặt chiếc mô tơ lên trên cột trụ bên trái, dùng hai tay bám lên phần cánh cổng, chân phải đạp vào cánh cổng

rồi dùng lực đu người lên và ngồi trên cánh cổng và thả mô tơ ra phía ngoài cổng, sau đó T lại trèo xuống phía trong cổng sắt, dùng động tác tương tự đặt chiếc ắc quy lên trên cột trụ bên trái, trèo ra ngoài cổng để đỡ chiếc ắc quy đặt xuống đất. Tiếp đó T lại trèo vào bên trong cổng sắt, dùng hai tay bê chiếc ba lăng xích nhỏ, hai chân dẫm lên khúc gỗ rồi từ từ dùng hai tay bê chiếc ba lăng xích đặt lên phía trên thành cổng rồi hai tay cầm vào phần xích từ từ thả ba lăng xích ra ngoài cổng. Tiếp đến T thấy chiếc ba lăng xích to quá nặng nên đã quan sát xung quanh và đi đến cuối tường bao phát hiện khe hở giữa tường bao và cột điện có thể đưa ba lăng xích ra ngoài, T quay lại vị trí gần cổng, hai tay bê ba lăng xích đi đến vị trí khe hở, để ba lăng xích vào giữa khe hở của tường bao và cột điện. Sau đó T cũng chui qua khe hở và đi bộ đến vị trí để xe máy rồi dắt xe máy đến gần cổng rồi dùng hai tay bê chiếc mô tơ đặt lên giá đỡ phía trước của yên xe máy, dùng hai tay bê chiếc ắc quy đặt lên phía sau yên xe rồi nổ xe chở 01 chiếc mô tơ và 01 bình ắc quy đi hướng về thị trấn V.

Trên đường từ nhà anh H về thị trấn V, T gặp ông Mai Văn T, sinh năm 1985, trú tại tổ 6, thị trấn V, huyện H trên đường đi thu mua sắt vụn về, T bán 01 (một) chiếc mô tơ cho ông T với giá 180.000đ (một trăm tám mươi nghìn đồng). Tiếp đó, T chở 01 bình ắc quy xuống khu vực tổ 5, thị trấn V, huyện H bán cho bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1964, trú tại tổ 5, thị trấn V, huyện H đang đi thu mua sắt vụn với giá 230.000đ (hai trăm ba mươi nghìn đồng). Sau đó, T quay lại chở số đồ vừa trộm cắp được còn lại về phòng trọ để cất giấu. Khoảng 08 giờ 30 phút sáng ngày 22/5/2021, T điều khiển xe máy chở 01 máy cưa xăng từ phòng trọ đi bán cho anh Nguyễn Minh Mẫn, sinh năm 1978, trú tại Tổ 5, thị trấn V, huyện H với giá 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) sau khi bán xong T quay về phòng trọ. Khoảng 09 giờ 30 phút sáng ngày 23/5/2021, T chở 01 ba lăng xích nhỏ và 01 ba lăng xích to từ phòng trọ đi bán cho ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1981, trú tại tổ 5, thị trấn V, huyện H với giá 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng). Khoảng 17 giờ ngày 23/5/2021, T chở 01 máy cưa xăng, 04 máy cắt cầm tay, 02 máy dùi gỗ, 01 máy mài lưỡi cưa, 01 máy cưa điện, 01 máy bơm đầu có gắn thanh sắt bán cho anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1984, tại tổ 5, thị trấn V, huyện H với giá 2.000.000đ (hai triệu đồng). Tổng số tiền mà T bán tài sản đã trộm cắp được là 5.710.000đ (năm triệu, bảy trăm mười nghìn đồng). Sau đó, T dùng tiền đó mua của anh T 01 máy hàn, 01 máy cắt với giá 2.200.000đ (hai triệu một trăm nghìn đồng) mang về phòng trọ cất với mục đích để làm cơ khí. Còn lại số tiền 3.510.000đ (ba triệu, năm trăm mười nghìn đồng) T đã tiêu sài cá nhân hết. Sau đó, hành vi phạm tội của T bị phát hiện.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H ra Yêu cầu định giá tài sản số 08/YCĐG-CSĐT ngày 27/5/2021. Tại bản kết luận định giá tài sản số 130/KL-HĐĐGTS ngày 28/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H kết luận:

- 01 (một) máy cưa xăng nhãn hiệu STIHC MS 318, màu can-trắng-đen, gắn lam xích dài 1,2m (đã qua sử dụng) có giá 3.000.000 đồng.

- 01 (một) máy cưa điện có chữ nước ngoài, màu xanh, gắn lam và xích dài 56 cm (đã qua sử dụng) có giá 500.000 đồng.

- 01 (một) máy cắt chuột cầm tay nhãn hiệu GXG, màu cam - đen, không có lưỡi cắt, dài 27 cm (đã qua sử dụng) có giá 100.000 đồng.

- 01 (một) máy cắt chuột cầm tay nhãn hiệu KENMAX, màu đỏ - đen, không có lưỡi cắt, dài 27 cm (đã qua sử dụng) có giá 100.000 đồng.

-02 (hai) máy cắt chuột cầm tay có nhãn hiệu MAKITA, màu xanh - đen có gắn lưỡi cắt, dài 27 cm (đã qua sử dụng) có giá 300.000đ/ cái x 02 cái = 600.000 đồng.

- 01 (một) máy mài màu xanh, lưỡi cưa có chữ Trung Quốc, dài 21 cm (đã qua sử dụng) có giá 200.000 đồng.

- 01 (một) máy dùi gỗ nhãn hiệu DONGCHENG màu xanh đen, dài 38 cm (đã qua sử dụng) có giá 200.000 đồng.

- 01 (một) máy dùi nhãn hiệu DCA, màu xanh dài 29 cm (đã qua sử dụng) có 200.000 đồng.

- 01 (một) máy bơm có ký hiệu 370 màu xanh đầu có gắn thanh sắt dùng để quạt giắc gỗ, dài 94 cm (đã qua sử dụng) có giá 500.000 đồng.

- 01 (một) ba lăng xích màu vàng có kích thước 23 x 15 cm gắn 03 đoạn xích dài 02m (đã qua sử dụng) có giá 2.000.000 đồng.

- 01 (một) ba lăng xích màu vàng có kích thước 17x14cm, gắn 02 đoạn xích dài 2,4m (đã qua sử dụng) có giá 1.500.000 đồng.

- 01 (một) mô tơ màu bạc có in chữ nước ngoài kích thước 37x18 cm, một đầu có gắn buli (đã qua sử dụng) có giá 500.000 đồng.

- 01 (một) ắc quy nhãn hiệu Rocket 12V loại 12ampe (đã qua sử dụng) có giá 450.000 đồng.

Tổng giá trị các tài sản mà bị cáo trộm cắp là: 9.850.000 đồng (chín triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKSHSP ngày 08 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trần Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, sơ đồ hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, vật chứng vụ án, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa khai phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị cáo, phù hợp với cáo trạng của Viện kiểm sát, những người này không có đề nghị gì về bồi thường.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng họ đã có lời khai trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với cáo trạng của Viện kiểm sát, những người này không có đề nghị gì về bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội trộm cắp tài sản.
- Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo T mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù.
- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS đề nghị tuyên.

* Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

- + 01 xe máy nhãn hiệu LXMOTO màu đen xám số loại 110, số máy P52EMH022787, biển kiểm soát 19T6-1870;
- + 01 chiếc tua vít;
- + 01 chiếc máy hàn điện tử màu đỏ;
- + 01 chiếc máy cắt sắt.

* Trả lại cho bị cáo Trần Văn T:

- + 01 chứng minh nhân dân số 070859344 mang tên Trần Văn T.
- + 01 giấy phép lái xe số 080144003134 mang tên Trần Văn T.

Phản tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đều hợp pháp; Về người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, tuy nhiên họ cũng đã có lời khai trong quá trình điều tra và những người này không yêu cầu gì về bồi thường. Căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T đã khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án nêu trên. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh H truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật hình sự. Hội đồng xét xử, có đủ cơ sở kết luận: khoảng 18 giờ 30 phút ngày 21/5/2021, bị cáo Trần Văn T, sinh năm 1990, trú tại thôn An L, xã T, huyện H, tỉnh T có hành vi trộm cắp của anh Phạm Văn H, sinh năm 1983, trú tại thôn Quang T, thị trấn V, huyện H, số tài sản đã trộm cắp gồm 01 máy cưa xăng, 01 bình ắc quy, 01 mô tơ, 04 máy cắt cầm tay, 02 máy dùi gỗ, 01

máy mài lưỡi cưa, 01 máy cưa điện, 01 máy bơm, 01 ba lăng xích nhỏ, 01 ba lăng xích to. Giá trị tài sản bị cáo T đã trộm cắp được là 9.850.000đ (*chín triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*). Hành vi của bị cáo Trần Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Bản thân bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện H xét xử về hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 26/3/2021 và bị xử phạt 3 tháng 8 ngày tù nhưng sau khi bị xử phạt thì bị cáo vẫn chưa ăn năn, hối cải và không chịu tu dưỡng đạo đức, rèn luyện ý thức chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật mà lại tiếp tục hành vi trộm cắp của người khác. Điều đó cho thấy tính chất hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có khả năng lao động, nhận thức, điều khiển hành vi của mình nhưng do ý thức không tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu tài sản của người khác nên đã có hành vi trộm cắp tài sản của người khác để sử dụng, tiêu sài cá nhân. Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức án phạt đủ nghiêm khắc trừng trị đối với hành vi phạm tội của bị cáo để nhằm ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới và giúp cải tạo bản thân bị cáo có ý thức chấp hành nghiêm quy định của pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý bằng hình phạt cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản theo bản án hình sự sơ thẩm số 03/2021/HSST, ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện H chưa được xóa án tích. Đến ngày 21/5/2021, bị cáo lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên bị cáo T phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm theo điểm h khoản 1 điều 52 bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo Trần Văn T đã thành khẩn khai báo. Vì vậy, áp dụng điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo Trần Văn T phải bồi T gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Ngày 11/6/2021, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 máy cưa xăng; 01 bình ắc quy; 01 mô tơ; 04 máy cắt cầm tay; 02 máy dùi gỗ; 01 máy mài lưỡi cưa; 01 máy cưa điện; 01 máy bơm; 01 ba lăng xích nhỏ; 01 ba lăng xích to (*tất cả đã qua sử dụng*) cho người sở hữu hợp pháp anh Phạm Văn H. Xét thấy việc xử lý vật chứng không ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án và Cơ quan điều tra đã tiến hành trao trả đúng quy định của pháp luật. Về phần vật chứng chuyển theo vụ án gồm 01 xe máy nhãn hiệu LXMOTO loại Wave alpha màu trắng có biển kiểm soát 19T6-1870; 01 chứng minh nhân dân số 070859344; 01 giấy phép lái xe số 080144003134; 01 đăng ký xe máy số 001751; 01 chiếc tua vít; 01 chiếc máy hàn; 01 chiếc máy cắt sắt (*tất cả đã qua sử dụng*). Trong đó có vật chứng là những công cụ, phương tiện phạm

tội như tua vít, xe máy. Còn 01 chiếc máy hàn; 01 chiếc máy cắt sắt là vật do bán đồ đã trộm cắp mà có nên cần áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự tịch thu sung quỹ nhà nước. Số vật chứng còn lại là 01 chứng minh nhân dân số 070859344; 01 giấy phép lái xe số 080144003134 trả lại cho bị cáo.

[9] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

* Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

* Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 20 (Hai mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/5/2021.

* Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

+ 01 xe máy nhãn hiệu LXMOTO màu đen xám số loại 110, số máy P52EMH022787, số khung H1UMAXG22787, biển kiểm soát 19T6-1870; (kèm theo một đăng ký một tô, xe máy số 001751 mang tên Hà Văn Thượng).

+ 01 chiếc tua vít một đầu đẹp, một đầu có tay cầm màu vàng, chiều dài 19cm (đã qua sử dụng);

+ 01 chiếc máy hàn điện tử inverter nhãn hiệu HK200E màu đỏ; bên ngoài ghi dòng chữ Ma de in VIET NAM.

+ 01 chiếc máy cắt nhãn hiệu ATEC có lưỡi cắt màu xanh bên ngoài có ghi CUT - OFF - MA CHINE AT7007, có dây điện nguồn màu vàng dài 1,5 m, không kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong máy (đã qua sử dụng)

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn T:

+ 01 chứng minh nhân dân số 070859344 mang tên Trần Văn T.

+ 01 giấy phép lái xe số 080144003134 mang tên Trần Văn T.

(Vật chứng được bàn giao tại biên bản bàn giao vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện H ngày 09/7/2021).

* Án phí: Buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi

hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh HG;
- Sở tư pháp tỉnh H;
- VKSND huyện HSP;
- ĐộiĐT Công an huyện HSP;
- Bị cáo; người TGT
- Chi cục THADS huyện HSP;
- Phòng PC 10, PV 06 CA tỉnh H;
- CQ thi hành án hình sự CA huyện;
- Lưu HS - BP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Phương